

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2013

Hà Nội - Tháng 7 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán	2 - 3
Báo cáo Kết quả kinh doanh	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính	6 – 18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2013	01/01/2013
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		62.729.848.367	92.233.735.676
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	35.909.042.079	30.093.628.664
1. Tiền	111		1.909.042.079	4.093.628.664
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	26.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	14.218.032.400	48.622.462.312
1. Đầu tư ngắn hạn	121		14.995.222.495	49.551.045.333
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(777.190.095)	(928.583.021)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.595.773.888	13.512.644.700
1. Phải thu khách hàng	131		4.271.573.264	4.950.954.579
2. Trả trước cho người bán	132		3.839.852	50.577.539
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	8.469.129.367	8.659.881.177
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(148.768.595)	(148.768.595)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		7.000.000	5.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	7.000.000	5.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		97.047.358.180	65.939.325.864
II Tài sản cố định	220		195.678.102	250.451.912
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	195.678.102	247.951.912
- Nguyên giá	222		587.034.280	752.925.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(391.356.178)	(504.973.651)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	2.500.000
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(27.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	29.210.314.500	29.210.314.500
1. Nguyên giá	241		29.210.314.500	29.210.314.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	67.617.123.413	36.450.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.000.000.000	13.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		48.617.123.413	17.450.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.242.165	28.559.452
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	24.242.165	28.559.452
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		159.777.206.547	158.173.061.540

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		10.845.380.118	3.620.278.727
I- Nợ ngắn hạn	310		10.815.380.118	3.590.278.727
2. Phải trả người bán	312		214.213.442	229.512.632
3. Người mua trả tiền trước	313		-	36.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	174.320.299	674.787.391
5. Phải trả người lao động	315		413.414.975	834.089.882
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	8.903.036.536	194.162.783
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.110.394.866	1.621.726.039
II- Nợ dài hạn	330		30.000.000	30.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		148.931.826.429	154.552.782.813
I- Vốn chủ sở hữu	410		148.931.826.429	154.552.782.813
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.12	134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.12	22.884.891.294	22.834.332.577
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.12	(16.887.238.217)	(17.802.679.500)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.12	2.211.478.243	1.626.209.416
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.12	2.313.512.469	1.728.243.642
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.12	1.053.871.466	608.980.417
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.12	3.098.311.174	11.300.696.261
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		159.777.206.547	158.173.061.540

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2013
 Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Điệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ
QUÝ II/2013

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	1.750.395.327	797.685.132	3.496.683.654	2.899.839.808
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.750.395.327	797.685.132	3.496.683.654	2.899.839.808
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.25	932.373.194	948.272.211	1.931.614.829	1.756.408.271
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		818.022.133	- 150.587.079	1.565.068.825	1.143.431.537
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.26	968.374.944	4.179.646.740	2.798.315.231	8.174.718.932
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	5.27	-	-	430.381.216	-
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		389.719.531	624.823.004	512.745.045	1.118.244.370
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.562.292.065	4.334.785.639	3.420.257.795	10.262.996.781
11.	Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12.	Chi phí khác	32		-	566.114.638	-	566.114.638
13.	Lợi nhuận khác	40		-	- 566.114.638	-	- 566.114.638
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.562.292.065	3.768.671.001	3.420.257.795	9.696.882.143
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	373.872.566	761.830.922	577.567.574	2.180.136.458
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.188.419.499	3.006.840.079	2.842.690.221	7.516.745.685
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	109	210	261	630

Ngày 26 tháng 07 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

BÙI VĂN DŨNG

NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	3.420.257.795	9.696.882.143
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	49.483.506	59.875.365
- Các khoản dự phòng	03	(151.392.926)	(2.836.433.085)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.798.315.231)	(6.726.918.181)
- Chi phí lãi vay	06	-	305.556
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	520.033.144	193.711.798
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	914.870.812	8.718.399.643
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.759.544.380	2.854.053.113
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.317.287	12.261.972
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(305.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(975.711.877)	(2.025.531.663)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(109.600.000)	(515.432.895)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	7.113.453.746	9.237.156.412
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.111.950.941)	(24.263.183.675)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.019.233.378	36.611.479.612
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(7.430.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.798.315.231	6.345.525.680
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(1.294.402.332)	11.263.821.617
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2.521.838.875)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	250.305.556
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(250.305.556)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.638.000)	(9.094.668.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(3.638.000)	(11.616.506.875)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	5.815.413.414	8.884.471.154
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	30.093.628.664	17.564.365.207
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	35.909.042.078	26.448.836.361

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2013
 Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Diệp

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: EFI., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 là 134.257.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.394.000	13.940.000.000	10,38%
Các cổ đông khác	12.031.700	120.317.000.000	89,62%

Cộng

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 244/2006/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý II năm 2013.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong cho Báo cáo tài chính Quý II năm 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

6 tháng 2013
(số năm)

Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản CĐHH khác	05

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty này.

Tên Công ty con : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;
Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng;
Tỉ lệ kiểm soát : 100%;
Ngành nghề : Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và sức tiến thương mại.
Trụ sở : Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	307.365.846	120.834.179
Tiền gửi ngân hàng	1.601.676.233	3.972.794.485
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	26.000.000.000
Tổng	35.909.042.079	30.093.628.664

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	7.549.222.495	7.372.149.821
Cho vay vốn ngắn hạn	7.446.000.000	42.178.895.512
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(777.190.095)	(928.583.021)
Tổng	14.218.032.400	48.622.462.312

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	661.689	6.545.666.084	546.989	5.511.437.649
Công ty Cổ phần Licogi (LIG)	29.000	340.983.906	-	-
Công ty Cổ phần Phát hành Sách & Thiết bị trường học Hưng Yên (HST)	-	-	148.400	1.498.840.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	40.000	320.480.000	-	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVF)	25.000	196.794.750	-	-
Các loại cổ phiếu khác	-	145.297.755	-	361.872.172
Tổng		7.549.222.495		7.372.149.821

Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	900.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	-	27.650.895.512
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	1.329.000.000	8.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	-	-
Công ty Cổ phần sách dân tộc	2.000.000.000	-
Các cá nhân khác	217.000.000	228.000.000
Tổng	7.446.000.000	42.178.895.512

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu hợp thác đầu tư	8.363.500.000	8.363.500.000
BHYT	6.957.942	12.452.142
BHTN	-	12.331.813
Dự án cầu giấy	75.000.000	75.000.000
Các khoản phải thu khác	23.671.425	196.597.222
Tổng	8.469.129.367	8.659.881.177

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	7.000.000	5.000.000
Tổng	7.000.000	5.000.000

5.5 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị: VND*

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2013	587.034.280	142.146.783	23.744.500	752.925.563
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	142.146.783	23.744.500	165.891.283
Chuyển sang Công cụ, dụng cụ	-	142.146.783	23.744.500	165.891.283
Số dư tại 30/6/2013	587.034.280	-	-	587.034.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2013	354.666.533	130.070.575	20.236.543	504.973.651
Tăng trong kỳ	36.689.645	6.785.904	3.507.957	46.983.506
Khấu hao trong kỳ	36.689.645	6.785.904	3.507.957	46.983.506
Giảm trong kỳ	-	136.856.479	23.744.500	160.600.979
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	136.856.479	23.744.500	160.600.979
Số dư tại 30/6/2013	391.356.178	-	-	391.356.178
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2013	232.367.747	12.076.208	3.507.957	247.951.912
Tại 30/6/2013	195.678.102	-	-	195.678.102

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến 30/6/2013 là 106.454.478 đồng.

5.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

5.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị các công trình kiến trúc trên đất của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng
- Lô E5 Ven biển, quận Ngũ Hành Sơn Thành phố Đà Nẵng
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty liên doanh, liên kết	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (*)	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	520.000	48.617.123.413	520.000	17.450.000.000
Đầu tư Cổ phiếu dài hạn	520.000	5.950.000.000	520.000	5.950.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác		42.667.123.413	-	11.500.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	1.642.323.414	-	-
Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam (**)	-	41.024.799.999	-	11.500.000.000
Tổng		67.617.123.413		36.450.000.000
Dự phòng Giảm giá đầu tư dài hạn		-		-
Tổng cộng		67.617.123.413		36.450.000.000

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Tại ngày đầu năm	28.559.452	19.430.345
Tăng	6.744.849	-
Phân bổ vào chi phí	11.062.136	12.261.972
Tại ngày	24.242.165	7.168.373
	30/6/2013	30/6/2011
Chi tiết chi phí trả trước dài hạn	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	24.242.165	7.168.373
Tổng	24.242.165	7.168.373

5.10 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	32.643.541	8.019.047
Thuế thu nhập doanh nghiệp	245.595.928	643.740.231
Thuế thu nhập cá nhân	(103.919.170)	23.028.113
Tổng	174.320.299	674.787.391

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	47.197.524	48.310.871
Bảo hiểm xã hội	87.688.012	78.062.912
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.768.151.000	67.789.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>8.709.220.000</i>	<i>8.858.000</i>
<i>Tiền lãi ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
Tổng	8.903.036.536	194.162.783

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	134.257.000.000	22.834.332.577	(15.280.840.625)	1.063.129.590	1.165.163.816	-	13.486.786.622	157.525.571.980
Tăng trong kỳ	-	-	-	563.079.826	563.079.826	895.580.417	11.450.989.393	13.472.729.462
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	11.450.989.393	11.450.989.393
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	563.079.826	563.079.826	887.441.528	-	2.013.601.180
Tăng khác	-	-	-	-	-	8.138.889	-	8.138.889
Giảm trong kỳ	-	-	2.521.838.875	-	-	286.600.000	13.637.079.754	16.445.518.629
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.851.188.754	2.851.188.754
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	10.785.891.000	10.785.891.000
Giảm khác (chi mua cổ phiếu quỹ)	-	-	2.521.838.875	-	-	-	-	2.521.838.875
Chi thưởng	-	-	-	-	-	88.700.000	-	88.700.000
Giảm khác (Chi thù lao HĐQT)	-	-	-	-	-	197.900.000	-	197.900.000
Số dư tại 31/12/2012	134.257.000.000	22.834.332.577	(17.802.679.500)	1.626.209.416	1.728.243.642	608.980.417	11.300.696.261	154.552.782.813
Số dư tại 01/01/2013	134.257.000.000	22.834.332.577	(17.802.679.500)	1.626.209.416	1.728.243.642	608.980.417	11.300.696.261	154.552.782.813
Tăng trong kỳ	-	50.558.717	915.441.283	585.268.827	585.268.827	585.268.827	2.842.690.221	5.564.496.702
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	585.268.827	585.268.827	585.268.827	-	1.755.806.481
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	2.842.690.221	2.842.690.221
Tăng khác	-	50.558.717	915.441.283	-	-	-	-	966.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	140.377.778	11.045.075.308	11.185.453.086
Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	2.341.075.308	2.341.075.308
Chi thưởng, chi quỹ khác	-	-	-	-	-	140.377.778	-	140.377.778
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	8.704.000.000	8.704.000.000
Số dư tại 30/6/2013	134.257.000.000	22.884.891.294	(16.887.238.217)	2.211.478.243	2.313.512.469	1.053.871.466	3.098.311.174	148.931.826.429

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/6/2012

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	1.250.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
Tổng	134.257.000.000	134.257.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	10.488.668.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2013	30/06/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.425.700	13.425.700
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.545.700	2.683.700
Cổ phiếu phổ thông	2.545.700	2.683.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.880.000	10.742.000
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.742.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.13 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.496.683.654	2.899.839.808
Tổng	3.496.683.654	2.899.839.808

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.14 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.931.614.829	1.756.408.271
Tổng	1.931.614.829	1.756.408.271

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.593.207.856	5.477.533.080
Lãi đầu tư cổ phiếu	95.119.875	1.143.386.248
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.109.987.500	867.992.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	11.348.656
Lợi nhuận năm trước từ Công ty con	-	674.458.348
Tổng	2.798.315.231	8.174.718.932

5.16 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	-	305.556
Lỗ đầu tư cổ phiếu	581.774.142	773.036.847
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(151.392.926)	(2.836.433.085)
Tổng	430.381.216	(2.063.090.682)

5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.420.257.795	9.696.882.143
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	566.114.638
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	1.109.987.500	1.542.450.948
Lợi nhuận tính thuế	2.310.270.295	8.720.545.833
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập hiện hành	577.567.574	2.180.136.458

5.18 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.856.293	19.898.430
Chi phí nhân công	100.794.103	1.304.507.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.483.506	59.875.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.685.970	1.061.930.580
Chi phí khác bằng tiền	287.925.173	359.922.843
Tổng	512.745.045	2.806.135.180

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính Quý II năm 2012.

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2013
Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng**Nguyễn Thị Hồng Điệp**